

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 8

(Quyển 8 này giải thích tất cả hai mươi quyển về Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da Dược Sự).

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỖ NẠI DA DƯỢC SỰ QUYỂN 1

- Nuy huỳnh - bịnh gân thịt mềm nhũn không cử động được.
 - Tiêu tụy - tiêu tụy, ốm gầy sầu buồn xấu xí.
 - Anh áo - tên một loại cây leo, trái giống nho màu đen ăn được.
 - Tổng lư - tức cây phan lư hay bình lư, giống cây dừa.
 - Đà tử - cây dừa, trái nó đựng đồ được.
 - Xương bồ - cây thuốc xương bồ.
 - Cảnh mạch dức - vỏ trấu, lúa hoang (?)
 - Giang độn - một loài cá lớn ở biển, xuất hiện thì liền có sóng to
 - Giao ngư - cá giao. Sang giới - vết thương, ghẻ lở.
 - Cuồng-bà - tiếng Phạm, tên trái cây.
 - Tao-tỳ-la - tiếng Phạm là nước đã lọc qua lượt.
 - Đỉnh quyết - cây cọc, đóng đất là cọc, đóng gỗ là đỉnh.
 - Ấu nghịch - nôn ói, mưa ra. Dức thượng - trên đóng cọc, trên cây cọc?
 - Gia ti - cửa cải trong nhà.
 - Ô-ba-đà-la - tiếng Phạm hoặc gọi Úc-ba-đê-da, dịch là cận tụng, cũng là thân giáo sư hoặc gọi là Hòa thượng (hay A-xà-lê?) là các đệ tử nhỏ tuổi phải nương theo các vị này mà tu học.
 - Cắt cổ (bệ?) - cắt xẻ đùi vế. Cơ cấn - đói kém, chết đói.
 - Oản cắt - cắt khoét.
-

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 2**

Yết-lan-đạc-ca - tiếng Phạm xưa gọi là Ca-lan-đà, Ca-lan-đạc-ca hoặc Yết-lại-đà-ca tức chim hót tiếng hay ở bên thành Vương xá có vườn tre có nhiều chim này.

Hoan trí - bịnh trí, bịnh lậu?

Tích-xá-ly - tiếng Phạm hoặc gọi Phệ-xá-ly, Dục-gia-ly, Tỳ-gia-ly, dịch là Quảng Nghiêm Thành, cõi này ở Trung Ấn Độ là nước rất rộng lớn nghiêm tịnh.

Bà-la-ni-tư - tiếng Phạm, cũng gọi Ba-la-nại-tư, là tên nước Ba-la-nại.

Địch miêu - là tên nước ở Tây Vực, vì nước này có nhiều cỏ này.

Sư bồ - cây sư (xu) bồ dùng chỉ làm tên bản.

Duyên tích - chì và thiếc. Gian thác - gián đoạn và lằm lẩn?

Tẩu quái - chị dâu quái dị (lấy làm lạ?)

Hoàng hốt - không rõ ràng.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 3**

- Ốt-đả-nam - tiếng Phạm, dịch là tập tổng tán, chủng loại dấu chân, hoặc gọi nhiếp thí.

- Quanh lệ - hung ác lắm. La lược lưới bẫy bắt chim chú.

- Tỳ-ha-la - tiếng Phạm hoặc gọi Vi-hạ-la, dịch là chùa, hoặc gọi Tăng-già-lam-ma dịch là chúng viên (vườn chứa chúng Tăng).

- Thuyền bạc - thuyền là ghe nhỏ, bạc là tàu to, tức ghe thuyền

- Nhất toát - một tay nắm hết, tóm tắt.

- Tàn sáp - cắm dù, cắm tàng lọng.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 4**

- Thổ tháp - giường đất (nằm trên đất làm giường).
- Bi hồ - là ao hồ đầm vũng.
- Đào ty - trốn mất, trốn tránh.
- Thiên Trúc quốc là gọi Thân Độc, Hiền Đâu, hoặc Ấn Độ hoặc Ấn Trì Già La, cũng gọi là Nguyệt Thị (mặt trời). Bởi nói nước này Phật đã diệt độ rồi như mặt trời đã lặn mất chỉ còn ánh trăng mà các hiền thánh tiếp tục giáo hóa độ thoát.
- Ma-kiệt-đà - tiếng Phạm, cũng gọi là Ma-kiệt-đề, Hắc-kiệt-đề xưa dịch gọi là nước này dịch không xâm lấn được, hoặc gọi là nước nhiều người thông tuệ, tức nước Ma-kiệt-đà.
- Đạo cán - cây lúa.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 5**

- Thác giáp - Thác là nâng lên, giáp là gò má, nâng gò má lên kéo cửa lên.
- Môn khố - cái then gài cửa.
- Ôt-bát-la - tiếng Phạm, hoặc gọi Âu-bát-la, Ưu-bát-la, Ôt-bát-la là hoa sen xanh, rất thơm.
- Câu-vật-đầu - tiếng Phạm, hoặc gọi Câu-mô-đầu, Câu-ma-na, tức là hoa sen đỏ, đỏ đậm hương rất thơm.
- Phân-đà-lợi - tiếng Phạm, hoặc gọi Bôn-trà-lợi-ca, Bôn-noa-rì-ca, tức là hoa sen trắng, trắng như tuyết rất thơm.
- Lung á - điếc và câm. Sữu giới - gông cùm, cùm tay là sữu, cùm chân là giới.
- Lật-cô-tỳ - tiếng Phạm để gọi hàng quý tộc vương tôn công tử.
- Vô cảo - không có cây rơm. Xa lộ - xe to của Thiên tử đi.
- Ma-nạp-bà - tiếng Phạm, hoặc gọi Ma-na-bà, dịch là Nho Đồng, tức người tu tập Thánh đạo.
- Cượng già hà - sông Cượng già, Khắc già, Hằng hà là đó. Sông

này có cát rất nhỏ mịn nên thường lấy cát làm dụ.

- A-già-lợi-da - tiếng Phạm, hoặc gọi A-xà-lê, A-tả-lê, dịch là Chánh hạnh hoặc Quỷ phạm (phép tắc) tức người dạy phép tắc các thiện pháp (tức Hòa thượng A-xà-lê, thân giáo sư...).

- Sí cách - cánh chim, lông cánh chim.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 6**

- Phước môn - phước bao che khắp.
- thông duệ - thông suốt hiểu đến chỗ soi xét.
- Kỹ nghệ - nghề giỏi, tài khéo. Thiết sóc - giáo, mâu sắt.
- Sách lập - là bùa hồ mạng (?)
- Hưởng già - tiếng Phạm, hoặc gọi Thương khư dịch là đây, thừa ra.
- Hách hách - sáng, thịnh, đồ rực rỡ, nhanh chóng.
- Ô-ba-tác-ca - tiếng Phạm hoặc gọi Ưu-bà-tắc, dịch là cận sự nam.
- Anh vũ - loài chim kết, lông xanh mỏ đỏ biết nói tiếng người.
- Ấc si - con cú mèo - Nạch sát - bắt, quắp giết chết.
- Cước đạp - chân bước đi.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 7**

- Thanh lộ - xe lớn màu xanh Thiên tử đi.
- Hoài vu - ôm ấp xa xôi (mong ước viễn vông?)
- Khúc giản - khe núi hẹp cong.
- Quán tiện - thùng lấy nước, dây kéo nước giếng.
- Bá chi - giê gạo làm cho sạch.
- Giản sắc - ? (chữ xưa giải sao ở đâu chẳng nhớ. Nhờ tìm lại giùm
- còn hiện giờ thì chẳng biết nó là gì?)

- Phù phụ - nương vào phù hiệu (cái làm tin)?
- Túy trảo - miệng, mổ và móng tay (miệng cắn móng cào?)
- Bảo-sái-đà - tiếng Phạm, xưa gọi Bồ-tát, nay dịch Trường Tịnh là ngày 15 tụng giới tăng trưởng tịnh nghiệp.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỖ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 8**

- Tiêu liêu - chim ri.
 - Bà-la-môn - tiếng Phạm, hoặc gọi một Hàm-ma, dịch là Tịnh hạnh, Phạm hạnh. Trị bảo: Ta tự miệng Phạm vương sinh ra riêng lấy tên Phạm. Đời bảo rằng: Học tốt bốn Luận Vi Đà, trí rộng chí cao, thông minh tuyệt đỉnh đáng làm thầy các vua.
 - Sát-đế-lợi - tiếng Phạm, dịch là điền chủ, tức là vua chúa là giai cấp cao quý.
 - Tỳ-xá - tiếng Phạm, cũng gọi Phê-xá, có nhiều cửa cải giàu có nhưng không thông suốt sách vở, nên gọi là Trưởng giả.
 - Tuất-đạt-la - tiếng Phạm hoặc gọi Tuất-nại-ra, đây có nhiều mà một nghĩa. Trong bốn giai cấp bậc này là thấp nhất. Dịch là chúng tạp (dân thường), quảng vụ: làm ruộng trồng trọt, làm các nghề, lưới cá, săn bắn...
 - Ngoại sanh - cha của mẹ là ngoại, cậu. Mẹ của vợ là ngoại, cô. Cậu của ta ta gọi là sanh. Con của cô là sanh, con của cậu là sanh.
 - Văn nghị - muối và kiến.
 - A-cập-ma - tiếng Phạm, hoặc gọi A-hàm-mộ, A-hàm, dịch là Tạng hoặc Truyền, nghĩa là Bí tạng của Phật truyền nhiều đời, hoặc gọi là giáo, tức là Trường, Trung, Tăng Nhất, Tạp bốn thứ A-hàm.
 - Hy di - Hòa vui tốt đẹp, vui vẻ.
 - Bạng ly - Bạng giống cái nia mà nhỏ (sàng?). Ly là hàng rào.
 - Khương ky - khương là cái sọt vuông, ky là cái nia tròn.
-

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 9**

- Hoàn giáp - mình mặc xuyên áo giáp gọi là Hoàn . Hoàn là mặc.
Hoàn giáp : mặc áo giáp.
Thị thọ - là cây thị. Duy mạc - màn che bên trên, bên ngoài.
Võng man - lược bao trùm lên trên.
Khí mãnh - Đồ đựng đồ bằng sành. Thư mi hầu - con khỉ cái.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 10**

Phân tích - phân chia tách ra. Vi thù - là, làm bị oán thù.
Bệ-lan-đề - tiếng Phạm, không biết nói gì!
Tăng-già-chi - tiếng Phạm, xưa gọi Tăng-già-lê. Tăng-già-chí
(trí) dịch là hợp trùng, cắt mà hợp thành lớp. Y này gồm nhiều mảnh
vải nhỏ hợp lại thành, hai y kia cắt hoặc chẳng cắt.
Cốc võng - vành bánh xe thật chắc.
Ôn nhuyễn - ôn hòa nhu nhuyễn, ôn hòa, dịu dàng.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 11**

- Thảo am - am cỏ, am tranh. Nạn chứ - đất ven nước, bờ nước.
- Lao xuất - lấy ra, lôi ra.
- Tuyên quá - nước về vực, chỗ nước xoáy ở vực sâu.
- Hà mô - con ếch ương. Hôn lễ - lễ cưới vợ.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 12**

- Hắc sấu - bệnh gầy gò xấu xí đen đúa.
- Phúc trưởng - sinh bụng, bụng phình to.
- Thương hối (quí?) - ghẻ lở thịt nát lấy ra.
- Thuận sáp: da nứt nẻ rít rắm (không trơn láng)
- Hào Khanh: hầm hố, cái hào sâu ven bờ Thành
- Phiếm Trương: nổi đầy tràn, nước lớn
- Tấu tụ: tụ họp - Sách lập - lập bù hộ mệnh?
- Canh Khẩn: cày cấy khẩn hoang mở đất
- Thiệm Bộ Kim: Thiệm bộ là tiếng Phạm, Kim là vàng, tức vàng Thiệm Bộ. Thiệm Bộ xưa gọi là Diêm Phù Đề - Theo A Tỳ Đàm Luận thì Châu này ở Bắc có sông Ni Dân Đà La ở bờ nam dưới đáy nước cây này có vàng Thiệm Bộ gọi là vàng Diêm Phù Đà, nên Châu này đặt là Diêm Phù Long Thiệm Bộ.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 13**

- Chỉ trích (thích): ngón tay gãi, khều
- Niễn tiểu (tuyến): nối chỉ? -Căn tài - Căn duyên - trồng rễ, gieo trồng
- Càn táo: khô ráo
- Tập nhự: bông cỏ để dệt áo ấm?

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 14**

Tế Tự: cúng tế, cúng kiến

Khử Yết Địa La: tiếng Phạm, tên cây chế, luyện rất cứng có thể

làm niêm chốt để đóng đinh. Như cây Khư Đà La.

- Giáo Trì: Giáo là quây khấy - Trì là ao - giáo trì là khấy động ao lên

- Hoài Nhâm là mang thai: Liễu Dư - Xe người đi và xe chở đồ bằng xe cộ

- Tả Dịch: nách phía tả

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỖ NẠI DA DƯỢC SỰ
QUYỂN 15**

- Nhu Ngữ: Lời nhà tạo Nho, lời nói nhu hòa

- Duyệt Dự : vui vẻ

- Bích Thất La Mạt Noa: tiếng Phạm, xưa gọi Tỳ A Môn dịch là Đa Văn, tức Bắc Phương Thiên Vương Chủ Lãnh Dược Xoa Tối Đại Phư Nhiêu.

- Thiệt Thí: lấy lưới liếm vật - Bạt cũ - tiếng Phạm gọi Bạt Cừ

- Đàm Thoại: nói năng Bạt cũ dịch là tụ, tức là kiến độ trong Tứ Phẩm Luật.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỖ NẠI DA DƯỢC SỰ
QUYỂN 16**

- Họa Tường: bức vẽ trên vách - Cước Diệt - Chân đá, chân lí?

- Dao Dương: gió thổi động, gió tốc

- Thắng Thủ: giời nặng - Khỏ lộ - ở truồng.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 17**

- Giang Đãng: nói lời dối gạt?
- Hoảng mê: hoảng hốt và mê muội. Hoảng hốt là thấy không rõ ràng, mê muội cũng là không sáng suốt, tức là trong chỗ mù mờ mịt.
- A Ni Lự Đà: tiếng Phạm, hoặc gọi A nậu lầu đà A Na Luật, gọi đúng là A Ni Luật Đà, tức là tên của La Hán Vô Diệt, là thiên nhân bậc nhất.

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 18**

- Loan Cung: giường cung, kéo cung bắn tên
- Xung đột: đụng chạm - Vũ đạo - múa may giẫm đạp

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 19**

- Tri am: biết rõ, hiểu rõ - Trì tuệ - Cầm chỗi
 - Nhượng Thương: xe nghiền nát thân, giẫm đạp cho chết
 - Xuyên phá: Thuyền to vượt biển
 - Mộc thượng: cây giáo dài bằng gỗ
-

**CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TỶ NẠI DA ĐƯỢC SỰ
QUYỂN 20**

- Bá Tư: tiếng Phạm hoặc gọi Bà Tư Sắc Tra, dịch là Thắng
Thượng hoặc tối thắng
- Trung Đoan: mỏ chim - Cảo Cảnh - Cột dây ở cổ
- Xưng mãi: rao bán

